Ngày 28 tháng 01 năm 2026.

# THÔNG BÁO
## DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam trân trọng công bố **Danh mục chứng khoán Giao dịch ký quỹ**, áp dụng từ ngày **29/01/2026** tại KIS Việt Nam, chi tiết như sau:

| STT | Mã chứng khoán | Tên công ty | Sàn | Tỉ lệ cho vay | Tỉ lệ đánh giá TSĐB | Giá chặn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **AAA** | CTCP Nhựa An Phát Xanh | HSX | 50% | 100% | 10,900 |
| 2 | **ACB** | Ngân hàng TMCP Á Châu | HSX | 50% | 100% | 32,000 |
| 3 | **ADS** | CTCP Damsan | HSX | 30% | 60% | 11,500 |
| 4 | **AGG** | CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia | HSX | 30% | 60% | 21,000 |
| 5 | **ANV** | CTCP Nam Việt | HSX | 50% | 100% | 26,000 |
| 6 | **ASM** | CTCP Tập đoàn Sao Mai | HSX | 40% | 80% | 9,800 |
| 7 | **AST** | CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco | HSX | 30% | 60% | 55,000 |
| 8 | **BAF** | CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam | HSX | 35% | 70% | 38,000 |
| 9 | **BCM** | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP | HSX | 40% | 80% | 66,000 |
| 10 | **BFC** | CTCP Phân bón Bình Điền | HSX | 40% | 80% | 42,000 |
| 11 | **BIC** | Tổng CTCP Bảo hiểm NH đầu tư và phát triển Việt Nam | HSX | 25% | 50% | 31,000 |
| 12 | **BID** | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HSX | 50% | 100% | - |
| 13 | **BMC** | CTCP Khoáng sản Bình Định | HSX | 20% | 40% | 26,000 |
| 14 | **BMI** | Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh | HSX | 40% | 80% | 25,800 |
| 15 | **BMP** | CTCP Nhựa Bình Minh | HSX | 50% | 100% | - |
| 16 | **BSI** | CTCP Chứng khoán BIDV | HSX | 40% | 80% | 54,300 |
| 17 | **BSR** | CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn | HSX | 40% | 80% | 18,700 |
| 18 | **BVH** | Tập đoàn Bảo Việt | HSX | 50% | 100% | 66,000 |
| 19 | **BWE** | CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương | HSX | 40% | 80% | 63,000 |
| 20 | **CCL** | CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long | HSX | 20% | 40% | 10,000 |
| 21 | **CDC** | CTCP Chương Dương | HSX | 20% | 40% | 20,000 |
| 22 | **CEO** | CTCP Tập đoàn C.E.O | HNX | 40% | 80% | 25,000 |
| 23 | **CII** | CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | HSX | 50% | 100% | 23,700 |
| 24 | **CMG** | CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC | HSX | 40% | 80% | 55,300 |
| 25 | **CNG** | CTCP CNG Việt Nam | HSX | 30% | 60% | 38,000 |
| 26 | **CSM** | CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam | HSX | 30% | 60% | 18,700 |
| 27 | **CSV** | CTCP Hóa chất Cơ bản Miền Nam | HSX | 50% | 100% | 40,500 |
| 28 | **CTD** | CTCP Xây dựng Coteccons | HSX | 45% | 90% | 86,500 |
| 29 | **CTF** | CTCP City Auto | HSX | 20% | 40% | 20,000 |
| 30 | **CTG** | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | HSX | 50% | 100% | - |
| 31 | **CTI** | CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO | HSX | 40% | 80% | 25,200 |
| 32 | **CTR** | Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel | HSX | 40% | 80% | 125,000 |
| 33 | **CTS** | CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam | HSX | 40% | 80% | 37,300 |
| 34 | **DBC** | CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 32,400 |
| 35 | **DBD** | CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) | HSX | 30% | 60% | 48,500 |
| 36 | **DC4** | CTCP Xây dựng DIC Holdings | HSX | 25% | 50% | 14,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | **DCL** | CTCP Dược phẩm Cửu Long | HSX | 20% | 40% | 36,000 |
| 38 | **DCM** | CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau | HSX | 50% | 100% | 41,600 |
| 39 | **DGC** | CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang | HSX | 50% | 100% | 65,000 |
| 40 | **DGW** | CTCP Thế Giới Số | HSX | 40% | 80% | 55,000 |
| 41 | **DHA** | CTCP Hóa An | HSX | 30% | 60% | 45,000 |
| 42 | **DHC** | CTCP Đông Hải Bến Tre | HSX | 35% | 70% | 40,000 |
| 43 | **DHG** | CTCP Dược Hậu Giang | HSX | 50% | 100% | - |
| 44 | **DHT** | CTCP Dược phẩm Hà Tây | HNX | 30% | 60% | 65,000 |
| 45 | **DIG** | Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng | HSX | 50% | 100% | 25,000 |
| 46 | **DL1** | CTCP Tập đoàn Alpha Seven | HNX | 25% | 50% | 8,300 |
| 47 | **DPG** | CTCP Tập đoàn Đạt Phương | HSX | 40% | 80% | 53,000 |
| 48 | **DPM** | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | HSX | 50% | 100% | 28,000 |
| 49 | **DPR** | CTCP Cao su Đồng Phú | HSX | 45% | 90% | 46,000 |
| 50 | **DRC** | CTCP Cao su Đà Nẵng | HSX | 40% | 80% | 24,000 |
| 51 | **DSE** | CTCP Chứng khoán DNSE | HSX | 30% | 60% | 26,200 |
| 52 | **DTD** | CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt | HNX | 30% | 60% | 26,300 |
| 53 | **DXG** | CTCP Tập đoàn Đất Xanh | HSX | 40% | 80% | 22,500 |
| 54 | **DXS** | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh | HSX | 20% | 40% | 9,200 |
| 55 | **E1VFVN30** | Quỹ ETF DCVFMVN30 | HSX | 50% | 100% | - |
| 56 | **EIB** | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 25,000 |
| 57 | **ELC** | CTCP Công Nghệ - Viễn Thông Elcom | HSX | 40% | 80% | 29,700 |
| 58 | **EVF** | Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực | HSX | 40% | 80% | 14,800 |
| 59 | **FCN** | CTCP FECON | HSX | 30% | 60% | 19,100 |
| 60 | **FIR** | CTCP Địa ốc First Real | HSX | 10% | 20% | 10,000 |
| 61 | **FMC** | CTCP Thực phẩm Sao Ta | HSX | 40% | 80% | 37,000 |
| 62 | **FPT** | CTCP FPT | HSX | 50% | 100% | 150,000 |
| 63 | **FRT** | CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT | HSX | 40% | 80% | 160,000 |
| 64 | **FTS** | CTCP Chứng khoán FPT | HSX | 50% | 100% | 49,200 |
| 65 | **FUEMAV30** | Quỹ ETF MAFM VN30 | HSX | 50% | 100% | - |
| 66 | **FUESSV30** | Quỹ ETF SSIAM VN30 | HSX | 50% | 100% | - |
| 67 | **FUESSVFL** | Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD | HSX | 50% | 100% | - |
| 68 | **FUEVFVND** | Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND | HSX | 50% | 100% | - |
| 69 | **FUEVN100** | Quỹ ETF VINACAPITAL VN100 | HSX | 50% | 100% | - |
| 70 | **GAS** | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | HSX | 50% | 100% | - |
| 71 | **GEE** | CTCP Điện lực Gelex | HSX | 30% | 60% | 70,900 |
| 72 | **GEG** | CTCP Điện Gia Lai | HSX | 40% | 80% | 17,900 |
| 73 | **GEX** | CTCP Tập đoàn GELEX | HSX | 50% | 100% | 41,000 |
| 74 | **GMD** | CTCP Gemadept | HSX | 50% | 100% | 77,000 |
| 75 | **GVR** | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP | HSX | 50% | 100% | 40,000 |
| 76 | **HAG** | CTCP Hoàng Anh Gia Lai | HSX | 30% | 60% | 20,300 |
| 77 | **HAH** | CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An | HSX | 50% | 100% | 60,000 |
| 78 | **HAX** | CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh | HSX | 30% | 60% | 19,000 |
| 79 | **HCD** | CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD | HSX | 20% | 40% | 10,000 |
| 80 | **HCM** | CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | HSX | 50% | 100% | 32,000 |
| 81 | **HDB** | Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | HSX | 50% | 100% | 32,000 |
| 82 | **HDC** | CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu | HSX | 40% | 80% | 30,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 83 | **HDG** | CTCP Tập đoàn Hà Đô | HSX | 50% | 100% | 32,200 |
| 84 | **HHP** | CTCP HHP Global | HSX | 20% | 40% | 10,000 |
| 85 | **HHS** | CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | HSX | 35% | 70% | 13,400 |
| 86 | **HHV** | CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | HSX | 45% | 90% | 16,600 |
| 87 | **HPG** | CTCP Tập đoàn Hòa Phát | HSX | 50% | 100% | - |
| 88 | **HPX** | CTCP Đầu tư Hải Phát | HSX | 20% | 40% | 6,900 |
| 89 | **HQC** | CTCP Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân | HSX | 10% | 20% | 5,000 |
| 90 | **HSG** | CTCP Tập đoàn Hoa Sen | HSX | 50% | 100% | 23,000 |
| 91 | **HTI** | CTCP đầu tư phát triển hạ tầng IDICO | HSX | 20% | 40% | 24,700 |
| 92 | **HTN** | CTCP Hưng Thịnh Incons | HSX | 30% | 60% | 10,000 |
| 93 | **HUT** | CTCP Tasco | HNX | 35% | 70% | 19,000 |
| 94 | **HVH** | CTCP Đầu tư và Công nghệ HVC | HSX | 20% | 40% | 10,000 |
| 95 | **IDC** | Tổng Công ty IDICO – CTCP | HNX | 50% | 100% | 54,000 |
| 96 | **IDI** | CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia - IDI | HSX | 40% | 80% | 10,000 |
| 97 | **IJC** | CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật | HSX | 40% | 80% | 16,000 |
| 98 | **IMP** | CTCP Dược phẩm Imexpharm | HSX | 35% | 70% | 57,000 |
| 99 | **IPA** | CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A | HNX | 20% | 40% | 15,300 |
| 100 | **KBC** | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP | HSX | 50% | 100% | 38,000 |
| 101 | **KDC** | CTCP Tập đoàn KIDO | HSX | 40% | 80% | 50,000 |
| 102 | **KDH** | CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền | HSX | 50% | 100% | 42,000 |
| 103 | **KHG** | CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land | HSX | 30% | 60% | 7,500 |
| 104 | **KHP** | CTCP Điện lực Khánh Hòa | HSX | 25% | 50% | 14,000 |
| 105 | **KOS** | CTCP KOSY | HSX | 10% | 20% | 20,000 |
| 106 | **KSB** | CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương | HSX | 45% | 90% | 24,700 |
| 107 | **KSV** | Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP | HNX | 20% | 40% | 124,200 |
| 108 | **LAS** | CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao | HNX | 40% | 80% | 25,200 |
| 109 | **LCG** | CTCP Lizen | HSX | 50% | 100% | 14,000 |
| 110 | **LHG** | CTCP Long Hậu | HSX | 30% | 60% | 43,000 |
| 111 | **LPB** | Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam | HSX | 50% | 100% | - |
| 112 | **LSS** | CTCP Mía Đường Lam Sơn | HSX | 30% | 60% | 13,000 |
| 113 | **MBB** | Ngân hàng TMCP Quân đội | HSX | 50% | 100% | - |
| 114 | **MBS** | CTCP Chứng khoán MB | HNX | 40% | 80% | 34,500 |
| 115 | **MIG** | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội | HSX | 50% | 100% | 22,000 |
| 116 | **MSB** | Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 15,400 |
| 117 | **MSH** | CTCP May Sông Hồng | HSX | 40% | 80% | 45,000 |
| 118 | **MSN** | CTCP Tập đoàn Masan | HSX | 50% | 100% | 86,000 |
| 119 | **MWG** | CTCP Đầu tư Thế giới Di động | HSX | 50% | 100% | 86,000 |
| 120 | **NAB** | Ngân hàng TMCP Nam Á | HSX | 40% | 80% | 15,000 |
| 121 | **NAF** | CTCP Nafoods Group | HSX | 30% | 60% | 21,000 |
| 122 | **NAG** | CTCP Tập đoàn Nagakawa | HNX | 10% | 20% | 14,000 |
| 123 | **NBB** | CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy | HSX | 30% | 60% | 20,000 |
| 124 | **NHH** | CTCP Nhựa Hà Nội | HSX | 30% | 60% | 14,200 |
| 125 | **NKG** | CTCP Thép Nam Kim | HSX | 50% | 100% | 21,000 |
| 126 | **NLG** | CTCP Đầu tư Nam Long | HSX | 50% | 100% | 46,000 |
| 127 | **NO1** | CTCP Tập đoàn 911 | HSX | 30% | 60% | 10,000 |
| 128 | **NT2** | CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 | HSX | 40% | 80% | 28,000 |
| 129 | **NTL** | CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm | HSX | 40% | 80% | 23,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 130 | **NTP** | CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong | HNX | 40% | 80% | 74,000 |
| 131 | **OCB** | Ngân hàng TMCP Phương Đông | HSX | 40% | 80% | 15,400 |
| 132 | **ORS** | CTCP Chứng khoán Tiên Phong | HSX | 20% | 40% | 17,100 |
| 133 | **PAC** | CTCP Pin Ắc quy Miền Nam | HSX | 30% | 60% | 34,000 |
| 134 | **PAN** | CTCP Tập đoàn PAN | HSX | 50% | 100% | 33,000 |
| 135 | **PC1** | CTCP Tập Đoàn PC1 | HSX | 50% | 100% | 28,800 |
| 136 | **PDR** | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | HSX | 40% | 80% | 22,300 |
| 137 | **PET** | Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | HSX | 40% | 80% | 35,000 |
| 138 | **PHR** | CTCP Cao su Phước Hòa | HSX | 50% | 100% | 76,000 |
| 139 | **PLC** | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP | HNX | 40% | 80% | 29,000 |
| 140 | **PLX** | Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 50,000 |
| 141 | **PNJ** | CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận | HSX | 50% | 100% | 92,600 |
| 142 | **POW** | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | HSX | 50% | 100% | 15,000 |
| 143 | **PTB** | CTCP Phú Tài | HSX | 30% | 60% | 62,000 |
| 144 | **PVC** | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP | HNX | 35% | 70% | 14,100 |
| 145 | **PVD** | Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí | HSX | 50% | 100% | 30,000 |
| 146 | **PVI** | CTCP PVI | HNX | 40% | 80% | 65,000 |
| 147 | **PVP** | CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương | HSX | 30% | 60% | 20,000 |
| 148 | **PVS** | Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | HNX | 50% | 100% | 42,000 |
| 149 | **PVT** | Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí | HSX | 50% | 100% | 25,000 |
| 150 | **REE** | CTCP Cơ Điện Lạnh | HSX | 50% | 100% | 72,700 |
| 151 | **S99** | CTCP SCI | HNX | 20% | 40% | 10,000 |
| 152 | **SAB** | Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | HSX | 50% | 100% | 54,800 |
| 153 | **SAM** | CTCP SAM Holdings | HSX | 20% | 40% | 9,400 |
| 154 | **SBG** | CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba | HSX | 25% | 50% | 13,700 |
| 155 | **SBT** | CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa | HSX | 50% | 100% | 27,000 |
| 156 | **SCR** | CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | HSX | 35% | 70% | 8,200 |
| 157 | **SCS** | CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | HSX | 40% | 80% | 83,000 |
| 158 | **SHB** | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | HSX | 50% | 100% | 18,000 |
| 159 | **SHI** | CTCP Quốc tế Sơn Hà | HSX | 20% | 40% | 13,000 |
| 160 | **SHS** | CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội | HNX | 50% | 100% | 23,900 |
| 161 | **SIP** | CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG | HSX | 40% | 80% | 76,000 |
| 162 | **SJS** | CTCP SJ Group | HSX | 20% | 40% | 40,000 |
| 163 | **SKG** | CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang | HSX | 30% | 60% | 11,900 |
| 164 | **SSB** | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | HSX | 40% | 80% | 19,000 |
| 165 | **SSI** | CTCP Chứng khoán SSI | HSX | 50% | 100% | 37,500 |
| 166 | **STB** | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | HSX | 50% | 100% | 55,800 |
| 167 | **SZC** | CTCP Sonadezi Châu Đức | HSX | 40% | 80% | 49,000 |
| 168 | **TCB** | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 43,000 |
| 169 | **TCH** | CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy | HSX | 40% | 80% | 23,000 |
| 170 | **TCL** | CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | HSX | 30% | 60% | 48,000 |
| 171 | **TCM** | CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công | HSX | 40% | 80% | 35,000 |
| 172 | **TCO** | CTCP TCO Holdings | HSX | 20% | 40% | 15,000 |
| 173 | **TDM** | CTCP Nước Thủ Dầu Một | HSX | 40% | 80% | 50,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 174 | **TDT** | CTCP Đầu tư và Phát triển TDT | HNX | 20% | 40% | 8,300 |
| 175 | **THD** | CTCP Thaiholdings | HNX | 10% | 20% | 25,000 |
| 176 | **TIG** | CTCP Tập đoàn đầu tư Thăng Long | HNX | 10% | 20% | 10,000 |
| 177 | **TIP** | CTCP Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa | HSX | 30% | 60% | 22,200 |
| 178 | **TLD** | CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long | HSX | 20% | 40% | 5,700 |
| 179 | **TLG** | CTCP Tập đoàn Thiên Long | HSX | 40% | 80% | 56,600 |
| 180 | **TNG** | CTCP Đầu tư và Thương mại TNG | HNX | 50% | 100% | 26,000 |
| 181 | **TPB** | Ngân hàng TMCP Tiên Phong | HSX | 50% | 100% | 21,000 |
| 182 | **TRC** | CTCP Cao su Tây Ninh | HSX | 30% | 60% | 74,000 |
| 183 | **TTA** | CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành | HSX | 30% | 60% | 10,000 |
| 184 | **TV2** | CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 | HSX | 40% | 80% | 47,000 |
| 185 | **TVD** | CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin | HNX | 20% | 40% | 14,000 |
| 186 | **VAB** | NHTM cổ phần Việt Á | HSX | 40% | 80% | 13,900 |
| 187 | **VC3** | CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông | HNX | 30% | 60% | 20,000 |
| 188 | **VCB** | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | HSX | 50% | 100% | - |
| 189 | **VCG** | Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 27,200 |
| 190 | **VCI** | CTCP Chứng khoán Vietcap | HSX | 50% | 100% | 52,000 |
| 191 | **VCS** | CTCP Vicostone | HNX | 50% | 100% | 58,500 |
| 192 | **VDS** | CTCP Chứng khoán Rồng Việt | HSX | 30% | 60% | 24,000 |
| 193 | **VFG** | CTCP Khử trùng Việt Nam | HSX | 30% | 60% | 70,000 |
| 194 | **VFS** | CTCP Chứng khoán Nhất Việt | HNX | 25% | 50% | 20,000 |
| 195 | **VGC** | Tổng Công ty Viglacera - CTCP | HSX | 45% | 90% | 56,300 |
| 196 | **VGS** | CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE | HNX | 30% | 60% | 35,700 |
| 197 | **VHC** | CTCP Vĩnh Hoàn | HSX | 50% | 100% | 68,500 |
| 198 | **VHM** | CTCP Vinhomes | HSX | 50% | 100% | 65,000 |
| 199 | **VIB** | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 24,000 |
| 200 | **VIC** | Tập đoàn VINGROUP - CTCP | HSX | 40% | 80% | 67,000 |
| 201 | **VIX** | CTCP Chứng khoán VIX | HSX | 50% | 100% | 27,000 |
| 202 | **VJC** | CTCP Hàng không Vietjet | HSX | 50% | 100% | 100,000 |
| 203 | **VND** | CTCP Chứng khoán VNDIRECT | HSX | 40% | 80% | 20,400 |
| 204 | **VNM** | CTCP Sữa Việt Nam | HSX | 50% | 100% | - |
| 205 | **VPB** | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | HSX | 50% | 100% | 32,500 |
| 206 | **VPG** | CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát | HSX | 30% | 60% | 10,000 |
| 207 | **VPI** | CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú | HSX | 30% | 60% | 45,000 |
| 208 | **VPL** | CTCP Vinpearl | HSX | 40% | 80% | 88,000 |
| 209 | **VRC** | CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC | HSX | 20% | 40% | 10,000 |
| 210 | **VRE** | CTCP Vincom Retail | HSX | 50% | 100% | 36,000 |
| 211 | **VSC** | CTCP Container Việt Nam | HSX | 50% | 100% | 25,700 |
| 212 | **VTP** | Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel | HSX | 40% | 80% | 114,200 |
| 213 | **VTZ** | CTCP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành | HNX | 30% | 60% | 18,500 |
| 214 | **YEG** | CTCP Tập đoàn Yeah1 | HSX | 30% | 60% | 16,600 |